



Original Article

Enhancing Primary Students' Communication Skills through Vietnamese Language Teaching for Language Competency Development

Nguyen Duc Khuong*

VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 21st July 2025

Revised 12th September 2025; Accepted 15th September 2025

Abstract: Communication skills play a vital role in the formation and development of primary school students' personality. According to the 2018 Vietnamese National Curriculum, language competence-including listening, speaking, reading, writing, communicating, and composing texts-is identified as a core competency to be developed through the Vietnamese language subject. However, many students still face difficulties in expressing themselves, listening, responding, and articulating opinions appropriately. This article analyzes the theoretical foundations and current situation of communication skills among primary students, and proposes several feasible strategies to foster these skills through Vietnamese language instruction. The proposed measures include: analyzing character dialogues, role-playing and responding to situations, connecting texts with real-life contexts, building a "notebook of kind expressions," integrating speaking and writing activities, and embedding communication skill assessment in daily learning tasks. All illustrative examples are drawn from children's literature texts in primary Vietnamese textbooks. The article affirms the central role of the Vietnamese language subject not only in teaching linguistic knowledge but also in providing practical opportunities for students to develop communication competence and cultivate essential life values.

Keywords: Communication skills; primary school students; Vietnamese language subject; language competence; children's literature.

* Corresponding author.

E-mail address: nguyenduckhuongdhgd@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5356>

Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học qua dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực ngôn ngữ

Nguyễn Đức Khuông*

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 21 tháng 7 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 9 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 9 năm 2025

Tóm tắt: Kỹ năng giao tiếp đóng vai trò thiết yếu trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh tiểu học. Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, năng lực ngôn ngữ - bao gồm kỹ năng đọc, viết, nghe, nói, giao tiếp và tạo lập văn bản - được xác định là năng lực cốt lõi cần được phát triển thông qua môn Tiếng Việt. Tuy nhiên, nhiều học sinh hiện nay còn gặp khó khăn trong diễn đạt, lắng nghe, phản hồi và thể hiện ý kiến một cách phù hợp. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh tiểu học và đề xuất một số biện pháp khả thi nhằm bồi dưỡng kỹ năng này qua dạy học môn Tiếng Việt. Các giải pháp bao gồm: khai thác hội thoại nhân vật, nhập vai và xử lý tình huống, kết nối văn bản với thực tiễn đời sống, xây dựng “sổ tay câu nói đẹp”, kết hợp luyện viết với luyện nói, và lồng ghép đánh giá kỹ năng giao tiếp vào hoạt động học tập. Các ví dụ minh họa đều được lựa chọn từ văn bản văn học thiếu nhi trong sách giáo khoa Tiếng Việt. Bài viết góp phần khẳng định vai trò của môn Tiếng Việt trong việc giáo dục toàn diện năng lực ngôn ngữ và phẩm chất giao tiếp cho học sinh.

Từ khóa: Kỹ năng giao tiếp; học sinh tiểu học; môn Tiếng Việt; năng lực ngôn ngữ; văn học thiếu nhi

1. Mở đầu

Kỹ năng giao tiếp là một trong những năng lực nền tảng, có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh tiểu học. Giao tiếp không chỉ đơn thuần là phương tiện để trẻ em bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc, mà còn là công cụ quan trọng giúp các em học tập hiệu quả, xây dựng các mối quan hệ xã hội tích cực và thích ứng với đời sống hiện đại. Trong bối cảnh xã hội phát triển nhanh, đặc biệt là sự bùng nổ của công nghệ truyền thông và mạng xã hội, việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học càng trở nên cấp thiết nhằm hình thành ở các em năng lực sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, văn hóa và giàu tính nhân văn.

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã xác định “năng lực ngôn ngữ” là một trong những năng lực cốt lõi cần được phát triển cho học sinh, trong đó kỹ năng giao tiếp được xem là trục xuyên suốt, thể hiện qua khả năng đọc, viết, nghe, nói. Với vai trò là môn học công cụ, môn Tiếng Việt giữ vị trí trung tâm trong việc hình thành năng lực ngôn ngữ, không chỉ dừng ở việc truyền thụ tri thức ngôn ngữ, mà còn cung cấp môi trường lí tưởng để học sinh rèn luyện, thực hành và phát triển kỹ năng giao tiếp. Tuy nhiên, thực tiễn dạy học hiện nay cho thấy nhiều học sinh tiểu học vẫn còn hạn chế: ngại nói, diễn đạt thiếu mạch lạc, thiếu khả năng lắng nghe và phản hồi phù hợp, dẫn đến hiệu quả giao tiếp chưa cao.

Trước những yêu cầu đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, vấn đề đặt ra là cần có những nghiên cứu chuyên sâu nhằm xác định cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng, từ đó đề

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: nguyenduckhuongdhgd@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5356>

xuất các giải pháp khả thi để nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng giao tiếp qua dạy học môn Tiếng Việt. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết này tập trung vào ba mục tiêu chính: phân tích cơ sở lý luận về kỹ năng giao tiếp trong giáo dục tiểu học; Khảo sát và làm rõ thực trạng kỹ năng giao tiếp cũng như thực tiễn tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở bậc tiểu học; Đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp cho học sinh, góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ và nhân cách toàn diện.

2. Thực nghiệm

2.1. Cơ sở lý luận

Kỹ năng giao tiếp là một trong những năng lực quan trọng nhất, góp phần quyết định sự phát triển toàn diện của học sinh tiểu học. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 1997), giao tiếp nằm trong nhóm mười kỹ năng sống cốt lõi, giúp cá nhân thích nghi, giải quyết vấn đề và hội nhập xã hội [1]. UNICEF (2003) cũng khẳng định rằng giao tiếp không chỉ dừng ở việc truyền đạt thông tin, mà còn bao gồm khả năng lắng nghe tích cực, diễn đạt cảm xúc, đưa ra phản hồi hợp lý và thể hiện sự thấu cảm [2]. Trên phương diện tâm lý học, Vygotsky (1978) nhấn mạnh rằng ngôn ngữ và giao tiếp chính là công cụ nền tảng thúc đẩy sự phát triển tư duy và năng lực trí tuệ của trẻ thông qua tương tác xã hội [3]. Ở Việt Nam, Trần Thị Hạnh (2019) cho rằng kỹ năng giao tiếp là khả năng sử dụng cả ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ để biểu đạt tư duy, cảm xúc, đồng thời xây dựng các mối quan hệ xã hội phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể [4].

Trên cơ sở đó, có thể hiểu kỹ năng giao tiếp bao gồm hai thành tố cơ bản: năng lực biểu đạt (nói, viết, sử dụng cử chỉ, ánh mắt, giọng điệu); Và năng lực tiếp nhận (nghe, đọc, phản hồi). Yếu tố quyết định trong giao tiếp không chỉ là nội dung thông điệp mà còn là sự phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh và chuẩn mực văn hóa.

Đặc biệt, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã khẳng định “năng lực ngôn ngữ” là một trong những năng lực cốt lõi cần hình thành và phát triển cho học sinh phổ thông.

Theo đó, học sinh cần đạt được các kỹ năng: nghe - nói để giao tiếp; đọc - viết để học tập và ứng dụng trong đời sống; đồng thời biết vận dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp đa dạng. Môn Tiếng Việt ở cấp tiểu học được xác định là môn học công cụ, giữ vai trò trung tâm trong việc hình thành năng lực ngôn ngữ. Môn học không chỉ trang bị kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, mà quan trọng hơn, còn tạo ra môi trường rèn luyện giao tiếp thông qua các hoạt động đọc hiểu, tập làm văn, kể chuyện, luyện từ và câu.

Khi học sinh nhập vai nhân vật trong truyện Cóc kiện Trời để đối thoại (Cóc, Trời, quan Nam Tào, Bắc Đẩu...), các em không chỉ hiểu nội dung văn bản mà còn được thực hành kỹ năng giao tiếp: biết lựa chọn cách xưng hô, điều chỉnh giọng điệu, thể hiện cảm xúc phù hợp với tình huống. Hay trong tiết tiếng Việt viết, khi thảo luận nhóm về đề tài “Kể về một người bạn thân”, học sinh vừa rèn luyện kỹ năng diễn đạt, vừa học cách lắng nghe và phản hồi ý kiến của bạn. Những hoạt động này thể hiện rõ định hướng của CTGDPT 2018: coi giao tiếp là mục tiêu vừa là phương tiện của dạy học Tiếng Việt, qua đó góp phần phát triển nhân cách và năng lực xã hội của học sinh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng sự kết hợp của nhiều phương pháp nghiên cứu: *phân tích - Tổng hợp tài liệu*: nghiên cứu các công trình lý luận, văn kiện của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng các tài liệu quốc tế liên quan đến kỹ năng sống và năng lực ngôn ngữ; *Quan sát và khảo sát thực tiễn*: ghi nhận biểu hiện giao tiếp của học sinh trong lớp học, trong giao tiếp với giáo viên, bạn bè và gia đình; *Phân tích ngữ liệu văn học thiếu nhi trong sách giáo khoa Tiếng Việt*: tập trung vào các văn bản có yếu tố đối thoại, miêu tả, tình huống ứng xử, nhằm làm rõ tiềm năng của chúng trong việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho học sinh.

2.3. Đối tượng khảo sát

Đối tượng nghiên cứu bao gồm: Học sinh tiểu học (6-11 tuổi) thuộc một số trường ở khu vực thành thị và nông thôn, nhằm phản ánh đa

dạng bối cảnh giáo dục; Giáo viên Tiếng Việt trực tiếp giảng dạy, có kinh nghiệm triển khai chương trình mới và thực hành các phương pháp phát triển năng lực ngôn ngữ - giao tiếp cho học sinh.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh tiểu học

Khảo sát thực tế tại một số trường tiểu học cho thấy, kỹ năng giao tiếp của học sinh hiện nay còn nhiều hạn chế cả về phương diện nội dung diễn đạt, hình thức biểu đạt và thái độ trong giao tiếp. Đây là một thực tế cần được phân tích sâu để thấy rõ nguyên nhân, đồng thời rút ra những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn.

Trước hết, *sự thiếu tự tin trong phát biểu* là biểu hiện khá phổ biến. Nhiều học sinh ngại nêu ý kiến cá nhân trước tập thể, hoặc khi buộc phải trả lời thì thường diễn đạt ngắn gọn, hời hợt, thiếu căn cứ. Ví dụ, trong tiết đọc hiểu với tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký*, khi giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét về nhân vật, phần lớn chỉ trả lời chung chung: “*Đế Mèn tốt bụng*” hoặc “*Đế Mèn dũng cảm*”, mà chưa biết trích dẫn chi tiết minh họa hay liên hệ với bản thân. Điều này cho thấy các em chưa hình thành được thói quen lập luận, chứng minh - một năng lực cốt lõi trong giao tiếp học thuật và đời sống.

Bên cạnh sự thiếu tự tin, *học sinh còn hạn chế trong việc sử dụng ngôn ngữ văn hóa, lễ phép*. Trong giao tiếp hằng ngày với giáo viên và bạn bè, các mẫu câu thể hiện sự tôn trọng như “*em xin phép*”, “*em cảm ơn*”, “*em xin lỗi*” chưa xuất hiện thường xuyên. Thay vào đó, nhiều em nói năng ngắn gọn, đôi khi có phần cộc lốc. Thực tế này không chỉ phản ánh sự thiếu rèn luyện về kỹ năng giao tiếp mà còn đặt ra vấn đề về giáo dục thái độ, chuẩn mực văn hóa trong lời nói của học sinh tiểu học.

Trong phạm vi gia đình, *thói quen giao tiếp của học sinh cũng chưa được chú trọng đúng mức*. Một số em trả lời cha mẹ một cách qua loa, ngắn gọn, thậm chí sử dụng từ ngữ vay mượn từ mạng xã hội. Chẳng hạn, khi cha mẹ nhắc nhở, thay vì đáp lời lễ phép, các em chỉ

nói “*biết rồi*”, “*ok*”, “*chịu*”. Đây là minh chứng cho việc ngôn ngữ mạng đang ảnh hưởng đến cách thức giao tiếp hằng ngày của trẻ, làm phai nhạt đi những giá trị văn hóa truyền thống trong lời ăn tiếng nói.

Về nguyên nhân, có thể thấy đây là sự tổng hòa của nhiều yếu tố:

Tác động của môi trường xã hội hiện đại: mạng xã hội, các trò chơi trực tuyến, và phương tiện truyền thông tạo ra nhiều kiểu ngôn ngữ phi chuẩn, dễ xâm nhập vào lời nói của học sinh.

Hạn chế trong tổ chức dạy học trên lớp: với sĩ số lớp đông, thời lượng tiết học hạn chế, giáo viên khó tạo điều kiện để tất cả học sinh được luyện tập giao tiếp. Nhiều tiết học vẫn thiên về truyền đạt kiến thức hơn là tổ chức hoạt động giao tiếp.

Sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình: phụ huynh đôi khi chưa quan tâm đến việc rèn lời ăn tiếng nói của con, còn giáo viên lại thiếu thời gian và công cụ hỗ trợ để theo dõi và chỉnh sửa thói quen giao tiếp cho học sinh.

Như vậy, thực trạng trên vừa phản ánh yêu cầu cấp thiết phải đổi mới dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp, vừa cho thấy tầm quan trọng của sự phối hợp đa chiều: từ gia đình, nhà trường đến xã hội. Nếu không có giải pháp kịp thời, học sinh sẽ dễ hình thành những thói quen giao tiếp thiếu chuẩn mực, ảnh hưởng lâu dài đến quá trình học tập và phát triển nhân cách.

3.2. Thực trạng tổ chức dạy học giao tiếp trong môn Tiếng Việt

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã xác định phát triển năng lực ngôn ngữ và giao tiếp là mục tiêu trọng tâm của môn Tiếng Việt. Về mặt định hướng, môn học này không chỉ cung cấp tri thức về tiếng Việt mà còn tạo ra môi trường để học sinh thực hành bốn kỹ năng đọc - viết - nghe - nói trong những tình huống đa dạng. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế tại một số trường tiểu học, có thể thấy rằng việc tổ chức dạy học giao tiếp vẫn tồn tại nhiều bất cập, chưa đạt hiệu quả như mong đợi.

Thứ nhất, nội dung dạy học còn nặng về truyền thụ kiến thức, nhẹ về tổ chức hoạt động

giao tiếp. Trong nhiều tiết học, giáo viên dành phần lớn thời gian giảng giải, phân tích từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp, mà ít tạo điều kiện cho học sinh trao đổi, thảo luận, hoặc trình bày ý kiến. Ví dụ, trong một tiết tiếng Việt viết, thay vì cho học sinh thảo luận nhóm để xây dựng dàn ý bài văn kể chuyện, giáo viên lại đưa sẵn dàn ý mẫu và yêu cầu học sinh chép theo. Điều này khiến hoạt động học tập thiên về ghi nhớ thụ động, giảm cơ hội luyện tập giao tiếp.

Thứ hai, phương pháp dạy học đổi mới đã có nhưng chưa được triển khai đồng bộ. Một số giáo viên đã áp dụng hình thức nhập vai, đóng kịch, hoặc thảo luận nhóm, song thường chỉ dừng lại ở mức minh họa, chưa thành hoạt động thường xuyên. Ví dụ, trong giờ học *Sự tích hoa tử muội*, giáo viên có cho học sinh nhập vai hai chị em để đối thoại, bộc lộ tình cảm gần gũi và nỗi đau chia lìa, nhưng hoạt động này chỉ diễn ra ngắn gọn vài phút rồi quay lại hình thức giảng giải. Kết quả là học sinh chưa có nhiều thời gian để rèn luyện khả năng diễn đạt, phản hồi hay xử lý tình huống giao tiếp.

Thứ ba, cách đánh giá kỹ năng giao tiếp chưa được chú trọng đúng mức. Hiện nay, việc đánh giá trong môn Tiếng Việt chủ yếu tập trung vào kỹ năng viết (bài kiểm tra, bài tập làm văn) và đọc hiểu, trong khi kỹ năng nói và nghe ít được đưa vào tiêu chí chính thức. Hệ quả là giáo viên và học sinh đều chưa coi trọng việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng lời. Trong thực tế lớp học, giáo viên thường chấm điểm dựa trên bài viết nhiều hơn là quan sát cách học sinh thảo luận, trình bày hay phản hồi ý kiến.

Thứ tư, điều kiện tổ chức dạy học còn nhiều hạn chế. Sĩ số lớp học đông (40-50 em/lớp) khiến giáo viên khó quản lý và tạo cơ hội cho tất cả học sinh tham gia giao tiếp. Ví dụ, trong một tiết đọc văn bản kéo dài 35 phút, nếu giáo viên chỉ gọi được 5-6 em phát biểu thì phần lớn học sinh còn lại không có cơ hội luyện tập. Điều này dẫn đến tình trạng “học sinh học thụ động”, chỉ nghe bạn và thầy cô nói, mà không được rèn luyện bản thân.

Từ những phân tích trên có thể thấy, thực trạng tổ chức dạy học giao tiếp trong môn Tiếng Việt hiện nay đang bộc lộ sự chênh lệch giữa định hướng chương trình và thực tiễn triển

khai. Về lý thuyết, CTGDPT 2018 yêu cầu coi giao tiếp là mục tiêu và phương tiện của dạy học; nhưng trong thực tế, các hoạt động rèn luyện giao tiếp của học sinh còn mờ nhạt, mang tính hình thức, chưa được chú trọng đánh giá.

Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết: giáo viên cần thay đổi quan niệm, coi học sinh là chủ thể giao tiếp trong giờ học; nhà trường cần giảm sĩ số, cải thiện điều kiện tổ chức; và quan trọng hơn, việc đánh giá phải bao hàm cả kỹ năng giao tiếp lời nói, thay vì chỉ thiên về đọc - viết. Chỉ khi đó, việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp mới trở thành quá trình thực chất, đáp ứng đúng tinh thần của chương trình mới.

3.3. Giải pháp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp qua dạy học môn Tiếng Việt

Từ cơ sở lý luận và thực trạng đã phân tích, việc bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học cần được tiến hành một cách hệ thống, gắn liền với các hoạt động dạy học môn Tiếng Việt. Giải pháp không chỉ dừng lại ở đổi mới phương pháp sư phạm, mà còn cần tạo môi trường giao tiếp thực sự, giúp học sinh hình thành thói quen diễn đạt, lắng nghe và ứng xử phù hợp. Có thể đề xuất một số định hướng chủ yếu sau:

Khai thác triệt để hội thoại và ngôn ngữ miêu tả trong văn bản văn học. Các văn bản trong sách giáo khoa Tiếng Việt, đặc biệt là truyện thiếu nhi, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, thường giàu lời thoại và tình huống giao tiếp. Giáo viên có thể tận dụng những chi tiết này để cho học sinh phân tích cách xưng hô, giọng điệu, thái độ. Khi học bài *Sự tích cây vú sữa*, học sinh nhập vai người mẹ và đứa con để đối thoại, từ đó rút ra bài học về sự lễ phép, biết nói lời xin lỗi và cảm ơn. Như vậy, học sinh vừa hiểu văn bản, vừa luyện kỹ năng giao tiếp ứng xử.

Tổ chức nhập vai và luyện phản hồi theo tình huống. Học sinh cần được đặt trong các tình huống giả định để thực hành. Giáo viên có thể tạo tình huống như: “Nếu em làm bạn giận, em sẽ nói gì?” hoặc “Nếu em cần nhờ bạn giúp đỡ, em sẽ bày tỏ ra sao?”. Khi đó, các em sẽ học cách lựa chọn từ ngữ, giọng điệu và thái độ phù hợp. Thực tế cho thấy, hoạt động nhập vai không chỉ phát triển năng lực ngôn ngữ mà còn

hình thành kỹ năng sống, giúp học sinh ứng xử linh hoạt trong thực tiễn.

Gắn kết tình huống văn bản với trải nghiệm thực tế. Một bài học sẽ trở nên thiết thực hơn khi học sinh thấy mối liên hệ giữa ngôn ngữ trong sách với đời sống. Sau khi đọc bài thơ *Nếu chúng mình có phép lạ*, giáo viên có thể đặt câu hỏi: “Nếu em có phép lạ trong tay, em sẽ làm gì để giúp những người xung quanh?”. Học sinh sẽ được bày tỏ mong ước, khát vọng nhân ái của bản thân, chẳng hạn ước có cơm no cho người nghèo, mang lại niềm vui cho bạn bè hay chữa bệnh cho người thân. Qua đó, các em không chỉ hiểu được ý nghĩa của văn bản mà còn rèn luyện khả năng diễn đạt, kỹ năng bộc lộ cảm xúc và tinh thần sẻ chia trong đời sống hằng ngày. Đây chính là cách hiện thực hóa tinh thần của CTGDPT 2018: “học đi đôi với hành, gắn kiến thức với thực tiễn”.

Xây dựng “sổ tay câu nói đẹp” cho học sinh. Giáo viên khuyến khích học sinh ghi lại những câu văn, lời thoại hay, giàu tính nhân văn trong quá trình học. Ví dụ, câu tục ngữ “*Lời nói chẳng mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*” có thể trở thành kim chỉ nam cho giao tiếp ứng xử. Sổ tay này vừa là tài liệu cá nhân, vừa là công cụ giáo dục thẩm mỹ ngôn ngữ, hình thành thói quen sử dụng lời nói lịch sự, văn minh.

Kết hợp rèn nói qua viết - rèn viết để nói. Mối quan hệ giữa nói và viết có thể được khai thác linh hoạt. Giáo viên cho học sinh viết ngắn gọn một đoạn văn về chủ đề “*Điều em muốn nhắn gửi tới bạn thân*”, sau đó trình bày trước lớp. Hoạt động này vừa rèn kỹ năng viết mạch lạc, vừa tạo cơ hội để học sinh luyện kỹ năng nói trước tập thể, hình thành sự tự tin trong giao tiếp.

Lồng ghép tiêu chí giao tiếp trong đánh giá thường xuyên. Để kỹ năng giao tiếp không chỉ là “phần phụ”, cần đưa tiêu chí này vào đánh giá học sinh. Ngoài việc chấm điểm bài viết, giáo viên có thể quan sát học sinh khi thảo luận nhóm, chú ý đến cách các em lắng nghe, không ngắt lời bạn, biết đồng tình hoặc phản biện lịch sự. Chẳng hạn, khi một học sinh phát biểu, bạn khác có thể đáp lại bằng câu: “*Mình đồng ý với bạn, nhưng mình muốn bổ sung thêm ý này,...*”. Việc đưa những biểu hiện cụ thể này vào tiêu

chí đánh giá sẽ biến kỹ năng giao tiếp thành thói quen bền vững.

3.4. Thảo luận

Những kết quả khảo sát và giải pháp đề xuất ở trên cho thấy, việc bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học thông qua dạy học môn Tiếng Việt vừa là yêu cầu cấp thiết, vừa là hướng đi khả thi. Tuy nhiên, để đánh giá một cách toàn diện, cần nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ: tính phù hợp với chương trình, khả năng triển khai trong thực tiễn, và điều kiện đảm bảo để giải pháp đi vào hiệu quả thực chất.

Về mặt lý luận, các giải pháp đều phù hợp với tinh thần của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Chương trình đã xác định “*năng lực ngôn ngữ*” và “*năng lực giao tiếp*” là một trong những trụ cột của giáo dục tiểu học. Việc khai thác hội thoại trong văn bản, tổ chức nhập vai, hay lồng ghép tiêu chí giao tiếp vào đánh giá chính là cách cụ thể hóa yêu cầu này. Ví dụ, CTGDPT 2018 nhấn mạnh việc học sinh phải biết “*trình bày ý kiến cá nhân, biết lắng nghe và phản hồi phù hợp*”, thì hoạt động thảo luận nhóm trong giờ đọc văn bản, viết câu văn, đoạn văn chính là môi trường để rèn luyện năng lực ấy.

Về thực tiễn triển khai, còn nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả. Sĩ số lớp học đông khiến việc tổ chức cho tất cả học sinh tham gia giao tiếp gặp khó khăn. Chẳng hạn, trong một lớp có tới 45 em, nếu mỗi em chỉ phát biểu 1 phút thì tiết học đã kéo dài hơn thời lượng quy định. Đây là trở ngại lớn mà giáo viên thường gặp, dẫn đến tình trạng chỉ một số ít học sinh được rèn luyện thường xuyên, còn nhiều em khác vẫn thụ động.

Thói quen dạy - học truyền thống vẫn còn ăn sâu trong nếp nghĩ của một bộ phận giáo viên. Không ít giáo viên lo ngại khi cho học sinh nói nhiều sẽ “*loãng tiết học*” hoặc “*khó kiểm soát trật tự lớp*”. Điều này khiến các hoạt động giao tiếp chỉ được tổ chức ở mức hình thức, thiếu sự đầu tư và kiên trì.

Ngoài ra, *tác động từ môi trường xã hội và gia đình* cũng ảnh hưởng mạnh đến việc hình thành kỹ năng giao tiếp. Nếu trong nhà, phụ huynh thường xuyên trò chuyện, khuyến khích con bày tỏ ý kiến, thì trên lớp học sinh sẽ mạnh

dạn và tự tin hơn. Ngược lại, nếu trẻ quen với giao tiếp ngắn gọn, qua loa, hoặc bị ảnh hưởng bởi ngôn ngữ mạng, thì kỹ năng giao tiếp trong học đường sẽ khó đạt chuẩn mực. Ví dụ, một số học sinh khi tranh luận trong lớp vẫn dùng những từ ngữ kiểu mạng xã hội như “không care”, “chịu”, thay vì diễn đạt bằng ngôn ngữ học đường.

Có thể thấy rằng *giải pháp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp qua dạy học Tiếng Việt chỉ phát huy hiệu quả khi có sự đồng bộ*: giáo viên đổi mới phương pháp, học sinh được tạo cơ hội giao tiếp thực sự, phụ huynh phối hợp rèn thói quen giao tiếp ở nhà, và nhà trường hỗ trợ về điều kiện tổ chức. Nói cách khác, đây không phải là trách nhiệm riêng của môn Tiếng Việt, mà là nhiệm vụ chung của cả môi trường giáo dục.

Một điểm quan trọng cần nhấn mạnh là: kỹ năng giao tiếp không hình thành trong ngày một ngày hai, mà cần quá trình rèn luyện bền bỉ. Các giải pháp nêu trên chỉ thực sự có ý nghĩa khi được lặp lại thường xuyên, trở thành hoạt động quen thuộc trong lớp học. Nếu mỗi tiết học Tiếng Việt đều dành ít nhất 5-10 phút cho học sinh thảo luận, nhập vai, trình bày và phản hồi, thì chỉ sau một học kỳ, sự tiến bộ về kỹ năng giao tiếp sẽ trở nên rõ rệt.

Tóm lại, thảo luận về thực trạng và giải pháp cho thấy bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp trong môn Tiếng Việt ở tiểu học vừa có cơ sở lý luận vững chắc, vừa có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Điều còn lại là làm thế nào để triển khai đồng bộ và kiên trì, biến những định hướng trong chương trình thành thói quen giao tiếp tự nhiên của học sinh.

4. Kết luận

Kỹ năng giao tiếp là một trong những năng lực cốt lõi góp phần quyết định sự thành công trong học tập và đời sống của học sinh tiểu học. Đây không chỉ là phương tiện để học sinh truyền đạt suy nghĩ, mà còn là nền tảng để các em xây dựng nhân cách, phát triển tư duy và hội nhập xã hội.

Kết quả khảo sát cho thấy, nhiều học sinh tiểu học hiện nay vẫn còn hạn chế về khả năng

diễn đạt, lắng nghe và phản hồi. Trong một tiết học Tiếng Việt, khi giáo viên đặt câu hỏi mở: “*Em hãy nêu cảm nhận về nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích đã học*”, chỉ có một số ít học sinh mạnh dạn phát biểu, trong khi phần lớn còn rụt rè, trả lời ngắn gọn kiểu “Dế Mèn tốt bụng” mà chưa biết giải thích, lập luận hay liên hệ với bản thân. Tình trạng này phản ánh sự thiếu tự tin trong giao tiếp và sự hạn chế trong khả năng diễn đạt logic.

Bài viết đã phân tích cơ sở lý luận, làm rõ vai trò then chốt của môn Tiếng Việt trong phát triển kỹ năng giao tiếp, đồng thời chỉ ra thực trạng còn tồn tại ở trường tiểu học. Trên cơ sở đó, các giải pháp được đề xuất không chỉ mang tính lý luận mà còn khả thi trong thực tiễn: từ việc khai thác hội thoại trong văn bản văn học (ví dụ: cho học sinh nhập vai mẹ Bồng và Bồng trong bài đồng dao *Cái Bồng với đoạn: “Cái Bồng là cái Bồng bang/Mẹ Bồng đi chợ/Bồng ở nhà trông em,...”* để rèn luyện ngữ điệu âu yếm, lễ phép trong giao tiếp), đến việc xây dựng sổ tay câu nói đẹp (học sinh ghi chép những cách xưng hô, chào hỏi trong truyện thiếu nhi để áp dụng trong đời sống).

Những giải pháp này nếu được triển khai đồng bộ sẽ tạo ra môi trường học tập tích cực, giúp học sinh không chỉ “học để biết” mà còn “học để làm”, “học để chung sống”. Khi giáo viên tổ chức hoạt động thảo luận nhóm về chủ đề “Nếu em là bạn nhỏ trong truyện *Cây tre trăm đốt*, em sẽ xử sự như thế nào khi được giao nhiệm vụ khó khăn?”, học sinh có cơ hội rèn luyện cách trình bày ý kiến, phản biện và lắng nghe bạn bè. Đây chính là sự kết nối trực tiếp giữa tri thức văn học và kỹ năng sống.

Có thể khẳng định rằng việc bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp qua dạy học môn Tiếng Việt không chỉ góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ mà còn hình thành nhân cách văn hóa, nhân văn cho học sinh tiểu học. Đó cũng là con đường để giáo dục tiểu học thực hiện tốt triết lý “*giáo dục hướng tới sự phát triển toàn diện*”, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại.

Lời cảm ơn

Tác giả xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội đã tạo

điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện nghiên cứu này. Đồng thời, xin trân trọng cảm ơn các giáo viên và học sinh tại một số trường tiểu học đã tham gia khảo sát, cung cấp dữ liệu thực tiễn và chia sẻ kinh nghiệm quý báu. Sự hỗ trợ nhiệt tình của các đồng nghiệp cũng là nguồn động viên quan trọng để bài viết được hoàn thành.

Tài liệu tham khảo

- [1] World Health Organization, Life Skills Education for Children and Adolescents in Schools, Geneva: WHO, 1997.
- [2] UNICEF, Life Skills: Definitions and Teaching Approaches for Decision-making and Communication, New York, NY: UNICEF, 2003.
- [3] L. S. Vygotsky, Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes, Cambridge, MA: Harvard University Press, 1978.
- [4] T. T. Hanh, Developing Communication Skills for Primary School Students in Vietnamese Language Teaching, Journal of Education, No. 487, 2019, pp. 24-26 (in Vietnamese).
- [5] Ministry of Education and Training, Vietnamese Language Curriculum in General Education, Hanoi: Vietnam Education Publishing House, 2018 (in Vietnamese).
- [6] T. T. Duong, General Education Science, Ho Chi Minh City: Tre Publishing House, 2000 (in Vietnamese).
- [7] A. T. Nguyen, Life Skills for Primary School Students through Extracurricular Education, Hanoi: Vietnam National University of Education Publishing House, 2020 (in Vietnamese).